TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 84/2018/HNGĐ- ST
Ngày 24/5/2018
V/v "Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tấn;
2. Ông Nguyễn Hữu Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương,là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:741/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969;địa chỉ: Thôn T Đ, xã M A, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn V, sinh năm 1966;địa chỉ: Thôn T Đ, xã M A, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị T *trình bày:*

Bà Đỗ Thị T có đăng ký kết hôn với ông Đặng Văn V vào năm 1989, tại Ủy ban nhân dân xã M A, huyện Phù Mỹ, hôn nhân tự nguyện. Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng bị mất không tìm lại được. Trong quá

trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn nhưng tự khắc phục được. Đến năm 2017, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẩn gay gắt, không thể hàn gắn được. Bà T đã bỏ nhà đi làm ăn nơi khác từ trước tháng 11 năm 2017 cho đến nay, không còn chung sống với ông V nữa. Nguyên nhân mâu thuẩn vợ chồng là do ông V nhiều lần đánh đập, bạc đãi bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông V.

Con chung của vợ chồng có 03 người gồm: Đặng Ngọc L- Sinh năm 1990, Đặng Ngọc C- Sinh năm 1992 và Đặng Ngọc C- Sinh năm 1994. Hiện nay, các con đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung của vợ chồng trong thời gian chung sống có nhà, đất nhưng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ nần gì của ai.

Tại bản khai ngày 03/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đặng Văn V trình bày: Vào tháng 6 năm 1989, ông Vvà bà T được gia đình tổ chức lễ cưới, có báo với chính quyền địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn. Sau đó, vợ chồng khắc phục được mâu thuẩn, tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2017, bà Tbỏ nhà đi làm ăn ở xa và làm đơn yêu cầu ly hôn với ông V. Nay, ông V không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc.

Về con chung và tài sản chung, ông V thống nhất như trình bày của bà T . Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông V cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu,chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, thấy rằng, bà T và ông V sống chung như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đề nghị HĐXX, không chấp nhận bà T và ông V là vợ chồng. Con chung và tài sản chung ông, bà không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông V là tranh chấp "Ly hôn". Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của bà T thì vợ chồng bà kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại xã M A, nhưng hiện tại, bà T không cung cấp giấy đăng ký kết hôn, vì cho rằng, giấy đăng ký kết hôn bị mất và khi phát hiện bị mất, bà T không báo cáo với cơ quan chức năng để hướng dẫn đăng ký lại; còn ông V thì cho rằng, vợ chồng cưới nhau vào tháng 6/1989, có báo cáo với chính quyền địa phương, nhưng không đến Ủy ban xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại xã M A, huyện Phù Mỹ thì sổ đăng ký kết hôn vào năm 1989 không còn lưu giữ tại xã, do quá trình lưu trữ bị thất lạc. Vì vậy, không có cơ sở xác định bà T và ông V có đăng ký kết hôn theo như lời trình bày của bà T. Xét thấy, bà T và ông V cưới nhau sau ngày 03/01/1987, đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Tòa án không công nhận bà T và ông V là vợ chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con và tài sản được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà T và ông V không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3].Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị T và ông Đặng Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung: Bà Đỗ Thị T và ông Đặng Văn V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số:03272 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ. Bà Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thành